

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**THỦ TỤC
CÔNG NHẬN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

Bắc Giang, tháng 8 năm 2017

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Căn cứ các tiêu chuẩn quy định về trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, trường mầm non và UBND cấp xã tiến hành tự kiểm tra, đánh giá theo các mức độ đạt chuẩn. Xét thấy trường đạt chuẩn quốc gia ở mức độ nào, UBND cấp xã làm hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện tổ chức thẩm định theo mức độ đó. Hồ sơ nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thành phố.

Bước 2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện quyết định thành lập đoàn kiểm tra và hoàn thành việc thẩm định theo đề nghị của UBND cấp xã. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đúng theo quy định, UBND cấp huyện trả lại hồ sơ hoặc gửi văn bản yêu cầu UBND cấp xã bổ sung cho hợp lệ.

Đoàn kiểm tra cấp huyện (gồm đại diện các cơ quan chức năng có liên quan do chủ tịch UBND cấp huyện chỉ định) tiến hành thẩm định kết quả kiểm tra, đánh giá của UBND cấp xã. Căn cứ kết quả thẩm định, xét thấy trường đạt chuẩn quốc gia ở mức độ nào, đoàn kiểm tra làm văn bản báo cáo UBND cấp huyện để làm hồ sơ đề nghị UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định theo mức độ đó.

Hồ sơ gửi về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GD&ĐT:

- Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công, khu liên cơ quan, Quảng trường 3/2 TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

- Điện thoại: 0204 3662006.

- Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Bước 3. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết phiếu hẹn, chuyển hồ sơ qua phòng chuyên môn thụ lý. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập đoàn kiểm tra và hoàn thành việc thẩm định theo đề nghị của UBND cấp huyện. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đúng theo quy định, UBND cấp tỉnh trả lại hồ sơ hoặc gửi văn bản yêu cầu UBND cấp huyện bổ sung cho hợp lệ;

Đoàn kiểm tra cấp tỉnh (gồm đại diện các cơ quan chức năng có liên quan do Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ định) tiến hành thẩm định kết quả kiểm tra, đánh giá của UBND cấp huyện. Căn cứ kết quả thẩm định, xét thấy trường đạt chuẩn ở mức độ nào, đoàn kiểm tra làm tờ trình đề nghị chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định và cấp Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia ở mức độ đó.

Bước 4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đoàn kiểm tra cấp tỉnh, chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định và cấp Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia (mức độ 1 hoặc mức độ 2) cho trường mầm non.

Quyết định công nhận được chuyển trực tiếp đến trường. Bằng công nhận các trường nhận tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Cách thức thực hiện

Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo tự kiểm tra của trường mầm non theo từng nội dung của tiêu chuẩn trường mầm non đạt chuẩn quốc gia gia mức độ 1 hoặc mức độ 2 được quy định tại Thông tư 02/2014/TT-BGDĐT, có xác nhận của UBND cấp xã;

- Báo cáo kết quả thẩm định của đoàn kiểm tra cấp huyện (theo mẫu);

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị UBND cấp tỉnh kiểm tra, công nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết

40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã, trường mầm non.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định và Bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

8. Lệ phí (nếu có)

Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)

Mẫu báo cáo kết quả thẩm định trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

(Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/2/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Phụ lục II
Về mẫu báo cáo

(Kèm theo Thông tư số: 02/2014/TT-BGDĐT
ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC

....., ngày.... thángnăm 20....

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA THẨM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
(Mức độ.....)

Căn cứ Quyết định số:..... ngàythángnăm 20..... về việc

Thành phần:

Thời gian kiểm tra:ngày..... tháng..... năm 20.....

A. Thông tin chung:

1- Tên trường: Mầm non.....huyện

2- Địa chỉ:Số điện thoại.....

3- Xét theo tiêu chuẩn: mức độ 1 (2)

4- Thành tích:

- Tập thể Trường.....

- Cá nhân:

B- Kết quả thực hiện tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (2)

I. Tổ chức và quản lý.

1. Công tác quản lý:

- Việc xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức và quản lý các hoạt động, phân công cán bộ, giáo viên

- Tổ chức và quản lý các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lễ làm việc

- Quản lý và sử dụng CSVC, lưu hồ sơ, sổ sách.....

- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên và nhân viên

- Tổ chức và duy trì các phong trào thi đua
- Biện pháp nâng cao đời sống cho cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên.....

2. Công tác tổ chức

Họ tên + chức danh	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng 1	Phó hiệu trưởng 2	
Nội dung				
T/gian CT liên tục trong GDMN				
Trình độ CM				
Trình độ QLGD				
Trình độ lý luận chính trị				
UDCNTT				
Kết quả xếp loại theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng				
Năng lực tổ chức, quản lý				
Năm vững CT GDMN				
Phẩm chất đạo đức				
Tín nhiệm của GV, nhân viên và nhân dân địa phương				
Xếp loại danh hiệu thi đua				

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong nhà trường

4. Chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp

Đánh giá tiêu chuẩn tổ chức và quản lý: Đạt/chưa đạt

II. Đội ngũ giáo viên và nhân viên

Nội dung	Giáo viên	Nhân viên
Số lượng:		
- Dạy nhóm trẻ		
- Dạy lớp mẫu giáo		
Trình độ đào tạo		
- Tỷ lệ đạt trình độ chuẩn		
- Tỷ lệ đạt trình độ trên chuẩn		
Định mức giáo viên /trẻ		
- Nhà trẻ		
- Mẫu giáo		
Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp trường:		
Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp huyện trở lên:		
Tỷ lệ đạt lao động tiên tiến		
Tỷ lệ đạt CSTĐ		
Số lượng GV, NV bị kỷ luật		
Tỷ lệ GV đạt khá theo chuẩn NN GVMN:		
Tỷ lệ GV đạt xuất sắc theo chuẩn NN GVMN:		
Tỷ lệ GV bị xếp loại kém theo chuẩn NNGVMN:		

Tham gia các hoạt động chuyên môn, chuyên đề, hoạt động XH:		
Số lượng GV có KH tự bồi dưỡng: Đạt tỷ lệ:		
Ứng dụng CNTT		
Quy hoạch phát triển đội ngũ, có kế hoạch bồi dưỡng tăng số lượng GV đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo:		
Thực hiện chương trình bồi dưỡng TX, BD hè, chuyên đề		
Tỷ lệ GV có kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		
Số GV có báo cáo cải tiến đổi mới phương pháp CS, GD trẻ trong từng năm (<i>mức độ 2</i>)		
Số GV có kế hoạch, kiến thức, kỹ năng CS, GD trẻ SDD, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật (<i>mức độ 2</i>)		

Đánh giá tiêu chuẩn đội ngũ giáo viên và nhân viên: Đạt/chưa đạt

III. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

- Chương trình GDMN Nhà trường đang thực hiện:

- Kết quả hằng năm:

+ Tỷ lệ trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần:

+ Xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong nhà trường: Có/không

+ Tỷ lệ trẻ được khám sức khỏe định kỳ:

+ Tỷ lệ chuyên cần của trẻ:

Trẻ dưới 5 tuổi

Trẻ 5 tuổi:

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng:

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN:

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn PT trẻ 5 tuổi

+ Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi học 2 buổi/ngày

+ Tỷ lệ nhóm có tổ chức bán trú....., tỷ lệ lớp có tổ chức bán trú.....

+ Tỷ lệ trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ

Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng CS, GD trẻ: Đạt/chưa đạt

IV. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị

1. Quy mô trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Xã/phường/thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMNTENT: Đạt/chưa đạt:

- Số điểm trường:
- Tổng số trẻ trong trường:.....
 - Trong đó: số trẻ nhà trẻ,số trẻ mẫu giáo.....
- Số trẻ được ăn bán trú:.....
- Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:.....
 - Trong đó: Số lượng nhóm trẻ:chia theo độ tuổi.....
 - Số lượng lớp mẫu giáo:....., chia theo độ tuổi,.....
- 2. Địa điểm trường:
 - Khu trung tâm dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường
 - Đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường:
- 3. Yêu cầu về thiết kế, xây dựng:
 - Diện tích mặt bằng sử dụng của trường mầm non bình quân m²/trẻ:
 - Công trình xây kiên cố/bán kiên cố:.....
 - Khuôn viên:
 - Cổng chính:.....
 - Nguồn nước sạch:
 - Hệ thống thoát nước:
- 4. Các phòng chức năng:
 - a) Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:
 - Phòng sinh hoạt chung: diện tích trung bình m²/trẻ:
 - Đảm bảo thiết bị và các yêu cầu theo quy định
 - Phòng ngủ: diện tích trung bình m²/trẻ
 - Phòng vệ sinh: diện tích trung bình m²/trẻvà các yêu cầu theo quy định .
 -
 - Hiên chơi: diện tích trung bình m²/trẻ.....và đảm bảo các quy cách
 -
 - b, Khối phòng phục vụ học tập:
 - Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: diện tích.....thiết bị, đồ dùng
 - Phòng vi tính (mức độ 2): diện tích thiết bị
 - c) Khối phòng tổ chức ăn
 - Khu vực bếp: diện tích..... thiết bị, đồ dùng
 - Kho thực phẩm:
 - Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn:.....
 - d) Khối phòng hành chính quản trị:

- Diện tích và trang thiết bị: Văn phòng trường; Phòng Hiệu trưởng; Phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính quản trị; phòng y tế, phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Phòng hội trường (mức độ 2): diện tích thiết bị

5. Sân vườn: diện tích, thiết kế

(Mức độ 2) Có khu chơi giao thôngsân khấu ngoài trời

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô trường, lớp, CSVC và thiết bị: Đạt/chưa đạt

V. Thực hiện xã hội hoá giáo dục

1. Công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non:.....

2. Các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội: ..
.....

3. Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân:

Đánh giá tiêu chuẩn XHH GD: Đạt/chưa đạt

C. Kết luận:

Nhà trường đạt/chưa đạt các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (2)

.....ngày.....tháng.....năm 20.....

Thư ký
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đại diện nhà trường
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện UBND
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG**

Số: 30 /TT-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Giang, ngày 23 tháng 11 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGD&ĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 59/2012/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BGD&ĐT ngày 08/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

Thực hiện Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2016, UBND huyện Lạng Giang đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn thực hiện kế hoạch xây dựng các trường: Mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia. Hội đồng xét đề nghị công nhận trường chuẩn quốc gia huyện Lạng Giang đã tổ chức kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia của các trường: Mầm non Hương Lạc, Tiểu học Mỹ Hà, THCS Tân Dĩnh và THCS thị trấn Vôi. Qua kiểm tra, thẩm định kết quả xây dựng các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia của các trường nêu trên đều đạt các yêu cầu so với quy định.

Căn cứ Quy chế công nhận trường mầm non, trường tiểu học và trường THCS đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, UBND huyện Lạng Giang đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xét, đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang kiểm tra, công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đối với trường Tiểu học Mỹ Hà, công nhận lại trường chuẩn quốc gia đối với trường THCS Tân Dĩnh, THCS thị trấn Vôi và công nhận mới mức độ 1 Trường Mầm non Hương Lạc.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GD&ĐT.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- L&VP, THVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Minh Đoàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số : 637/BC-UBND

Lạng Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA THẨM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
(Mức độ I)**

Căn cứ Quyết định số:11443/QĐ- UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 về việc thành lập Hội đồng xét đề nghị công nhận trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia năm 2016.

Thành phần:

1. Ông Ngô Minh Đoàn- Phó chủ tịch UBND huyện, chủ tịch Hội đồng;
2. Ông Võ Thành Công- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, phó chủ tịch Hội đồng;
3. Ông Vũ Hồng Vinh- Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, phó chủ tịch Hội đồng;
4. Ông Đặng Thiệu Quang- Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thư ký

* Các thành viên

5. Ông Nguyễn Văn Chức - Trưởng phòng Nội vụ;
6. Bà Bùi Thị Hương Lan - Trưởng phòng Tài chính- kế hoạch;
7. Ông Nguyễn Văn Long - Trưởng Phòng Lao động – TB&XH;
8. Ông Đinh Quang Hào- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường;
9. Ông Nguyễn Văn Vích- Trưởng Phòng Y tế;
10. Bà Trần Thị Quý- Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo- Thành viên
11. Ông Thân Văn Quyết- Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo;
12. Ông Cao Xuân Thành -Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Thời gian kiểm tra: ngày tháng ... năm 2016.

A. Thông tin chung:

1. Tên trường: Mầm non Hương Lạc - Huyện Lạng Giang - Tỉnh Bắc Giang

2- Địa chỉ: Thôn 9- Hương Lạc- Lạng Giang. Số điện thoại: 0240.3637887

3- Xét theo tiêu chuẩn: mức độ 1.

4- Thành tích:

- Tập thể Trường: Từ năm học 2011 – 2012 đến năm học 2015-2016 trường liên tục đạt Lao động tiên tiến, tiên tiến xuất sắc được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen.

- Cá nhân: Hàng năm tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp trên 82,2%. Tỷ lệ chiến sỹ thi đua, LĐTT đạt 77,8%.

B- Kết quả thực hiện tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1

I. Tổ chức và quản lý

1. Công tác quản lý

- Việc xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức và quản lý các hoạt động, phân công cán bộ, giáo viên: Tốt.

- Tổ chức và quản lý các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lễ làm việc: Tốt

- Quản lý và sử dụng CSVC, lưu hồ sơ, sổ sách: Tốt

- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên và nhân viên: Tốt

- Tổ chức và duy trì các phong trào thi đua: Tốt

- Biện pháp nâng cao đời sống cho cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên: Tốt

2. Công tác tổ chức

Họ tên + chức danh Nội dung	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng 1	Phó hiệu trưởng 2
T/gian CT liên tục trong GDMN	28	21	11
Trình độ CM	ĐH	ĐH	ĐH
Trình độ QLGD	ĐH	Chứng chỉ	
Trình độ lý luận chính trị	TC	Đang học TC	
UDCNTT	0	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B

Kết quả xếp loại theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc
Năng lực tổ chức, quản lý	Tốt	Tốt	Tốt
Nắm vững CT GDMN	Tốt	Tốt	Tốt
Phẩm chất đạo đức	Tốt	Tốt	Tốt
Tín nhiệm của GV, nhân viên và nhân dân địa phương	Tốt	Tốt	Tốt
Xếp loại danh hiệu thi đua	11 năm LĐTT; 6 năm CSTĐCS	10 năm LĐTT; 2 CSTĐ	9 năm LĐTT; 2 CSTĐ

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong nhà trường: Tốt

4. Chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp: Tốt

Đánh giá tiêu chuẩn tổ chức và quản lý: Đạt

II. Đội ngũ giáo viên và nhân viên

Nội dung	Giáo viên	Nhân viên
Số lượng:	23	9
- Dạy nhóm trẻ	6	
- Dạy lớp mẫu giáo	17	
Trình độ đào tạo		
- Tỷ lệ đạt trình độ chuẩn	100%	100%
- Tỷ lệ đạt trình độ trên chuẩn	87%	100%
Định mức giáo viên /trẻ		
- Nhà trẻ	1/11 trẻ	
- Mẫu giáo	1/32 trẻ	
Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp trường:	39%	
Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp huyện trở lên:	60%	
Tỷ lệ đạt lao động tiên tiến	75%	
Tỷ lệ đạt CSTĐ	14.3%	
Số lượng GV, NV bị kỷ luật	0	
Tỷ lệ GV đạt khá theo chuẩn NN GVMN:	40%	
Tỷ lệ GV đạt xuất sắc theo chuẩn NN GVMN:	36%	
Tỷ lệ GV đạt yêu cầu theo chuẩn NN GVMN:	24%	
Tỷ lệ GV bị xếp loại kém theo chuẩn NN GVMN:	0	
Tham gia các hoạt động chuyên môn, chuyên đề, hoạt động XH:	100%	100%
Số lượng GV có KH tự bồi dưỡng:	100%	

Đạt tỷ lệ:		
Ứng dụng CNTT	100%	
Quy hoạch phát triển đội ngũ, có kế hoạch bồi dưỡng tăng số lượng GV đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo:	Đạt	
Thực hiện chương trình bồi dưỡng TX, BD hệ, chuyên đề	Tốt	
Tỷ lệ GV có kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	100%	
Số GV có báo cáo cải tiến đổi mới phương pháp CS, GD trẻ trong từng năm (mức độ 2)	7/23=30.4%	
Số GV có kế hoạch, kiến thức, kỹ năng CS, GD trẻ SDD, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật (mức độ 2)		

Đánh giá tiêu chuẩn đội ngũ giáo viên và nhân viên: Đạt

III. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

- Chương trình GDMN Nhà trường đang thực hiện: Chương trình giáo dục mầm non mới.

- Kết quả hằng năm:

- + Tỷ lệ trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần: 100%
- + Xây ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong nhà trường: không
- + Tỷ lệ trẻ được khám sức khỏe định kỳ: 100%

+ Tỷ lệ chuyên cần của trẻ:

- Trẻ dưới 5 tuổi: 93%
- Trẻ 5 tuổi: 98%

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân: 2%

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi: 2.7%

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng: 100%

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN: 100%

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn PT trẻ 5 tuổi: 100%

+ Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 100%

+ Tỷ lệ nhóm có tổ chức bán trú 100 %, tỷ lệ lớp có tổ chức bán trú 100%.

Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng CS, GD trẻ: Đạt

IV. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị

1. Quy mô trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Xã/phường/thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMNTENT:
- Đạt
- Số điểm trường: 02 điểm trường
 - Tổng số trẻ trong trường: 563 trẻ
 - Trong đó: số trẻ nhà trẻ 67 cháu, số trẻ mẫu giáo 496 trẻ.
 - Số trẻ được ăn bán trú: 563 trẻ.
 - Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: 16 nhóm
 - + Trong đó:
 - Số lượng nhóm trẻ: 03 nhóm, chia theo độ tuổi 03 nhóm (24-36 tháng)
 - Số lượng lớp mẫu giáo: 13 lớp, chia theo độ tuổi: 04 lớp 5-6 tuổi; 05 lớp 4-5 tuổi; 04 lớp 3-4 tuổi.
 - 2. Địa điểm trường
 - Đặt tại khu trung tâm dân cư, thuận lợi cho trẻ đến trường.
 - Đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường: Trường được vệ sinh thường xuyên. Đảm bảo luôn sạch sẽ, thoáng mát, hợp vệ sinh.
 - 3. Yêu cầu về thiết kế, xây dựng
 - Diện tích mặt bằng sử dụng của trường mầm non bình quân m^2 /trẻ: diện tích đất toàn trường đạt $6859m^2$, đạt $12,2 m^2/1$ trẻ.
 - Công trình xây kiên cố/bán kiên cố: Công trình xây dựng kiên cố.
 - Khuôn viên: Trường có khuôn viên rộng, cảnh quan luôn sạch sẽ, có cây xanh, cây cảnh, luôn thoáng mát. Khuôn viên có tường bao kiên cố.
 - Cổng chính: Thiết kế đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại. Có biển trường đúng quy định. Có cánh cổng kiên cố. Đảm bảo an toàn cho các hoạt động của nhà trường.
 - Nguồn nước sạch: trường có 02 nguồn nước sạch, đảm bảo an toàn, vệ sinh.
 - Hệ thống thoát nước: Có hệ thống thoát nước, có nắp đậy. Đảm bảo tiêu chuẩn.
 - 4. Các phòng chức năng:
 - a) Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:
 - Phòng sinh hoạt chung: diện tích trung bình $1,6 m^2$ /trẻ;
 - Đảm bảo thiết bị và các yêu cầu theo quy định: Có đủ thiết bị theo quy định.
 - Phòng ngủ: $150 m^2$.
 - Phòng vệ sinh: trường có 1 nhà vệ sinh giáo viên, 9 nhà vệ sinh cho trẻ với tổng diện tích $225 m^2$, đảm bảo diện tích trung bình $0,4m^2$ /trẻ và các yêu cầu theo quy định. Nhà vệ sinh có vách ngăn, có các thiết bị vệ sinh theo quy định, có nhà vệ sinh riêng cho trẻ nam, nữ.
 - Hiên chơi: diện tích trung bình $0,7m^2$ /trẻ và đảm bảo các quy cách.

b, Khối phòng phục vụ học tập:

- Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: diện tích 80m^2 , có đủ thiết, đồ dùng âm nhạc theo quy định: Tủ đựng trang thiết bị, có đàn, tăng âm loa đài, các dụng cụ âm nhạc cho trẻ tập luyện...

c) Khối phòng tổ chức ăn

- Khu vực bếp: 02 nhà bếp, diện tích 205 m^2 , nhà bếp có đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ theo quy định.

- Kho thực phẩm: Có kho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn: có 02 tủ lạnh, đảm bảo yêu cầu.

d) Khối phòng hành chính quản trị:

- Diện tích và trang thiết bị:

+ Văn phòng trưởng: 64 m^2

+ Phòng Hiệu trưởng: 31 m^2

+ Phòng phó hiệu trưởng: 21 m^2

+ Phòng hành chính quản trị: 21 m^2

+ Phòng y tế: 21 m^2

+ Phòng bảo vệ: 12 m^2

+ Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 15 m^2

5. Sân vườn: diện tích sân vườn 3.500 m^2 , sân được lát gạch đảm bảo sạch sẽ, an toàn cho trẻ học tập vui chơi. Có vườn rau xanh, vườn cây ăn quả cho trẻ.

- Đánh giá tiêu chuẩn quy mô trường, lớp, CSVC và thiết bị: **Đạt**

V. Thực hiện xã hội hoá giáo dục

1. Công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non: Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch, mục tiêu giáo dục mầm non trên địa bàn xã.

2. Các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội:

- Nhà trường đã huy động tốt các ban ngành đoàn thể của xã, thôn xóm, phụ huynh học sinh và nhân dân tham gia xây dựng cảnh quan sư phạm nhà trường như: Tường bao, bồn hoa, cây cảnh, khu vui chơi phát triển vận động...

3. Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân:

- XHHGD là : $95.160.000\text{ đ}$

* Trong đó:

+ Kinh phí ngày công lao động quy ra tiền: $200\text{ c} \times 150.000 = 30.000.000\text{ đ}$.

+ Nhân dân, Các ban ngành đoàn thể trong xã, Phụ huynh học sinh, thầy cô giáo: $65.160.000\text{ đ}$.

- Đánh giá tiêu chuẩn XHH GD: **Đạt**

C. Kết luận:

Nhà trường đạt các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

Thư ký



Đặng Thiệu Quang

Đại diện nhà trường



Trần Thị Thanh Vân

Đại diện Hội đồng kiểm tra
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Vũ Hồng Vinh

Số: 08./BC-MNHL

Hương Lạc, ngày 17 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO

TỰ KIỂM TRA CỦA TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG LẠC HUYỆN LẠNG GIANG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ I NĂM 2016

Căn cứ Thông tư số 02 /2014/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

Căn cứ thông tư số: 44/2010/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử đổi bổ sung điều lệ trường mầm non;

Căn cứ nghị quyết số: 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 08 năm 2016 của HĐND xã Hương Lạc về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của xã Hương Lạc ;

Căn cứ vào nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2016 – 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Lạng Giang; sự chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Hương Lạc.

Được sự ủng hộ của các cấp, các ngành, quần chúng nhân dân, trường mầm non Hương Lạc đã thực hiện tốt các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia theo các tiêu chuẩn trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I như sau:

I. TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

1. Công tác quản lý

a) Nhà trường có đủ các kế hoạch hoạt động cho năm học, học kì, tháng và tuần; Có biện pháp và tổ chức thực hiện kế hoạch, đúng tiến độ.

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện quản lý, phân công hợp lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

c) Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lối làm việc trong trường mầm non;

d) Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn;

đ) Lưu trữ đầy đủ và khoa học các hồ sơ, sổ sách phục vụ công tác quản lý của trường mầm non;

e) Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành;

g) Thường xuyên tổ chức và duy trì các phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước;

h) Có biện pháp nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường mầm non.

2. Công tác tổ chức

a) Hiệu trưởng: *Lê Thị Thanh Vân* - Sinh năm: 1970

- Trình độ đào tạo: Cử nhân quản lý giáo dục

- Chuyên ngành: Quản lý giáo dục.

- Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp

- Thời gian trực tiếp giảng dạy: 16 năm.

- Thời gian làm quản lý: 12 năm.

- Thành tích đã đạt được:

+ Từ 1989 - 2006 liên tục đạt GVG huyện, cấp tỉnh, được UBND Tỉnh tặng bằng khen;

+ Từ 1989 - 2016: 6 năm đạt CSTĐ cấp cơ sở, 11 năm đạt LĐTT, được UBND Tỉnh tặng bằng khen;

- Về nhận thức: nắm được nội dung cơ bản của công tác quản lý giáo dục, có mục tiêu và kế hoạch phát triển nhà trường. Có ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hàng năm đều đạt Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, được UBND Tỉnh, Công đoàn, LĐLĐ huyện tặng giấy khen.

- Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, giữ được sự đoàn kết trong nhà trường, được tập thể giáo viên, phụ huynh học sinh tin nhiệm.

b) Phó hiệu trưởng: *Nguyễn Thị Vân* - Sinh năm: 1976

- Trình độ đào tạo: Đại học sư phạm

- Chuyên ngành: Giáo dục Mầm non.

- Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp

- Thời gian trực tiếp giảng dạy: 13 năm.

- Thời gian làm quản lý: 8 năm.

- Thành tích đã đạt:

Từ 1995 - 2011 đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, 04 năm đạt GVDG cấp huyện, CSTĐ cơ sở 02 năm. Đạt giấy khen của Công đoàn giáo dục huyện Lạng Giang.

- Về nhận thức: Có năng lực chuyên môn, nắm được nội dung cơ bản của công tác quản lý giáo dục, có mục tiêu và kế hoạch phát triển nhà trường. Có ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn.

- Về phẩm chất đạo đức: Phẩm chất đạo đức tốt, làm đúng chức năng, giúp Hiệu trưởng hoàn thành nhiệm vụ. Hàng năm đều đạt lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, được CĐGD huyện khen.

c) Phó hiệu trưởng: *Nguyễn Thị Tuyết* - Sinh năm: 1984

- Trình độ đào tạo: Đại học sư phạm
- Chuyên ngành: Giáo dục Mầm non.
- Thời gian trực tiếp giảng dạy: 11 năm.
- Thời gian làm quản lý: 05 tháng.
- Thành tích đã đạt:

Từ 2006 - 2016 đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, 04 GVDG cấp huyện, 04 GVDG cấp Tỉnh, CSTĐ cơ sở 02 năm.

- Về nhận thức: Có năng lực chuyên môn, nắm được nội dung cơ bản của công tác quản lý giáo dục, có mục tiêu và kế hoạch phát triển nhà trường. Có ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn.

- Về phẩm chất đạo đức: Phẩm chất đạo đức tốt, làm đúng chức năng, giúp Hiệu trưởng hoàn thành nhiệm vụ. Hàng năm đều đạt lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở.

3. Các tổ chức đoàn thể và Hội đồng nhà trường

a) Hội đồng trường:

Hội đồng trường được thành lập theo đúng điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường gồm 7 thành viên trong đó có 01 đồng chí chủ tịch và 01 đồng chí phó chủ tịch, các thành viên hội đồng làm việc đúng chức năng nhiệm vụ phân công; làm tốt việc giám sát thực hiện các Nghị quyết và quy chế dân chủ trong các hoạt động của trường.

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:

- + Chi bộ Đảng: gồm 14 đảng viên đạt 52 %
 - Đảng viên là cán bộ quản lý: 03 đ/c đạt 100 %
 - Đảng viên là giáo viên: 10 đ/c đạt 43,5 %
- + Đảng viên là cán bộ xã sinh hoạt tại chi bộ: 1 đ/c đạt 7,1 %.
- Hàng năm chi bộ liên tục đạt trong sạch vững mạnh.
- Công đoàn: Có 27 đoàn viên công đoàn.
- Đoàn thanh niên: Có 11 đoàn viên thanh niên.
- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị theo sự lãnh đạo của Đảng ủy, UBND xã Hương Lạc, chi bộ nhà trường. Hàng

năm các tổ chức đoàn thể đều đạt vững mạnh, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục toàn diện trong trường; Nhiều năm liền trường đạt cơ quan văn hóa cấp huyện, cấp Tỉnh.

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với trường mầm non trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, huy động được sự đóng góp của cộng đồng cho phong trào giáo dục mầm non của địa phương.

4. Chấp hành sự chỉ đạo quản lý của cơ quan giáo dục các cấp

a) Nhà trường thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước liên quan đến giáo dục mầm non; Nhà trường chấp hành nghiêm chỉnh các hoạt động ở địa phương và hàng năm đều đạt kết quả xuất sắc. Ban giám hiệu luôn chủ động tham mưu với các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về kế hoạch phát triển và các biện pháp cụ thể để nhà trường hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục.

b) Nhà trường luôn chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo trực tuyến về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng giáo dục và đào tạo, thực hiện đầy đủ các quy định về báo cáo cơ quan quản lý cấp trên.

II. TIÊU CHUẨN 2: ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng và trình độ đào tạo

- Năm học 2016- 2017 nhà trường có đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo quy định. Đảm bảo 100% giáo viên và nhân viên đạt chuẩn trở lên về trình độ đào tạo:

* Tổng số giáo viên, nhân viên: 32 đồng chí. Đạt tỷ lệ 2 giáo viên/ lớp.

+ Trình độ đào tạo của giáo viên: 100% giáo viên và nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Trong đó đạt chuẩn 13%, trên chuẩn: 87% (15 đại học = 65,2 %, cao đẳng: 05 đ/c = 21,7%; Trung cấp: 03 đ/c = 13%).

2. Phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn nghiệp vụ

a) 100% giáo viên có phẩm chất chính trị tốt, yêu nghề mến trẻ, không vi phạm đạo đức nhà giáo và những điều đảng viên không được làm.

Nhà trường có 19 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp = 82,6%

- Trong đó:

+ Giáo viên giỏi cấp trường: 09 người = 39%;

+ Giáo viên giỏi cấp huyện : 10 người = 43%;

+ Giáo viên giỏi cấp tỉnh chu kỳ 2011-2015 ; 05 người = 21,7 %.

b) Năm học 2015-2016 Có 21 CBGV – NV đạt danh hiệu CSTĐ, lao động tiên tiến đạt 75%. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào bị kỷ luật. Không có giáo viên, nhân viên xếp loại yếu, kém.

c) Năm học 2015-2016 có 25/25 GV được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp, 100% CBGV được xếp đạt yêu cầu trở lên.

*** Trong đó:**

- Xếp loại xuất sắc: 9 người = 36%;
- Xếp loại khá: 10 người = 40 %;
- Xếp loại đạt yêu cầu: 06 người đạt = 24%.

Không có cán bộ giáo viên nào xếp loại yếu kém.

3. Hoạt động chuyên môn

a) Tổ chuyên môn được thành lập và hoạt động đúng quy định của điều lệ trường mầm non. Nhà trường tổ chức định kỳ các hoạt động: trao đổi chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, tham quan học tập kinh nghiệm và có báo cáo đánh giá cụ thể đối với từng hoạt động;

c) 100% giáo viên tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động chuyên môn, chuyên đề và các hoạt động xã hội của trường tổ chức đạt kết quả tốt;

d) 100 % giáo viên ứng dụng được công nghệ thông tin trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng

a) Hàng năm nhà trường có quy hoạch phát triển đội ngũ, có kế hoạch bồi dưỡng để tăng số lượng giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo;

b) Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) 100% giáo viên có kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

III. TIÊU CHUẨN 3: CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ

Nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học và thực hiện một loại chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành theo quyết định số 5205/QĐ/BGD&ĐT ngày 19/9/2006. Kết quả hàng năm đều đạt:

1. 100% các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tổ chức cho trẻ ăn bán trú.
2. 100% trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non.
3. 100% trẻ được khám sức khoẻ định kỳ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.
4. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: Đạt 95% trở lên.
+ Trẻ 5 tuổi đạt 98%; trẻ 3 tuổi và 4 tuổi đạt 93%;

5. 98% trẻ phát triển bình thường về cân nặng và 96,3% trẻ phát triển bình thường chiều cao theo tuổi.

6. 100% trẻ bị suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng.

7. 179/180 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (1 trẻ khuyết tật nặng không đi học). 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. 100% trẻ dưới 5 tuổi được học 2 buổi/ngày.

IV. TIÊU CHUẨN 4: QUY MÔ TRƯỜNG LỚP, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

1. Quy mô trường lớp

a) Nhà trường:

Trường có 2 điểm trường: gồm 16 nhóm, lớp.

b) Số lượng trẻ và số lượng nhóm lớp:

- Tổng số trẻ trong trường: 563 trẻ

* Trong đó: số trẻ nhà trẻ 67 cháu, số trẻ mẫu giáo 496 trẻ.

- Số trẻ được ăn bán trú: 563 trẻ.

- Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: 13 nhóm

* Trong đó:

- Số lượng nhóm trẻ: 03 nhóm 24-36 tháng.

- Số lượng lớp mẫu giáo: 13 lớp, chia theo độ tuổi:

+ Có 04 lớp 5 tuổi;

+ 05 lớp 4 tuổi;

+ Có 04 lớp 3 tuổi.

2. Địa điểm trường

Trung tâm trường được đặt ở nơi đông dân cư trên trục đường 1A, có đường đi thuận tiện cho trẻ đến trường, có môi trường trong sạch, có cảnh quan sư phạm đẹp, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Yêu cầu thiết kế xây dựng

- Diện tích khuôn viên trường: 6859m²

+ Bình quân đạt: 12,2m²/trẻ.

+ Diện tích sân chơi: 3,500m²

- Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Khuôn viên có tường bao kiên cố ngăn cách với bên ngoài. Cổng chính có biển tên trường theo quy định tại điều lệ. Trong khu vực nhà trường có đủ nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

4. Các phòng chức năng

a) Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Phòng sinh hoạt chung: Nhà trường có 16 nhóm, lớp, các phòng vừa là phòng tổ chức cho trẻ hoạt động chung, hoạt động góc, vừa là phòng ngủ và ăn trưa của trẻ. Các phòng có đủ ánh sáng tự nhiên ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có rèm che cửa khi trẻ ngủ. Phòng sinh hoạt chung, diện tích trung bình $1,6\text{m}^2/\text{trẻ}$, xung quanh có hiên chơi, sàn nhà lát gạch men màu sáng.

- Phương tiện và thiết bị giáo dục: Có đủ bàn ghế cho giáo viên và trẻ theo chuẩn của từng độ tuổi, đồ dùng, đồ chơi sắp xếp ngăn nắp theo chủ điểm, có tranh, ảnh, hoa, cây cảnh trang trí lớp đẹp phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phòng vệ sinh của cán bộ giáo viên và học sinh được xây dựng khép kín liền kề với nhóm lớp, thuận tiện cho trẻ sử dụng, có bồn cầu vệ sinh, chỗ đi tiêu, đi tiêu được ngăn cách bằng vách ngăn lưng cao $1,2\text{m}$.

+ Diện tích của nhà vệ sinh giáo viên: 15m^2 được xây dựng khép kín.

+ Diện tích khu vệ sinh của học sinh: 225m^2 được xây dựng khép kín liền kề với lớp học, thuận tiện cho việc sử dụng, có chỗ phân chia riêng, sạch sẽ đảm bảo vệ sinh, có đủ nước sạch để dùng. Các thiết bị vệ sinh được trang bị bằng men sứ, kích thước phù hợp với trẻ.

- Hiên chơi: (Vừa là nơi trẻ ăn trưa) chiều rộng $2,1\text{m}$, có lan can bao quanh cao $1,0\text{m}$, khoảng cách giữa các thanh dóng đứng theo đúng tiêu chuẩn quy định, thuận tiện cho các sinh hoạt của trẻ khi mưa nắng...

b) Khối phòng phục vụ học tập:

- Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: Diện tích 80m^2 có gương áp tường, có trang bị đủ các thiết bị điện bị và nhạc cụ: 01 đàn organ, 1 âm ly, 2 bộ loa, mich... Có 02 tủ đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, quần áo trang bị đạo cụ múa.

c) Khối phòng tổ chức ăn:

- Khu nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú gồm 205m^2 , được sắp xếp theo quy định vận hành 1 chiều; Nơi chế biến, bếp nấu, chỗ chia thức ăn. Đồ dùng nhà bếp đầy đủ, vệ sinh và được sắp xếp ngăn nắp thuận tiện.

- Có kho đựng thực phẩm, phòng sơ chế thực phẩm, phòng nấu, phòng chia ăn, tất cả các phòng này được xây dựng theo quy trình bếp 1 chiều và được sắp xếp sạch sẽ ngăn nắp, có đủ đồ dùng phục vụ việc chăm sóc đảm bảo vệ sinh và đúng quy trình của Bộ giáo dục và đào tạo.

- Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

d) Khối phòng hành chính quản trị:

- Văn phòng nhà trường: Diện tích 64m^2 , có đủ trang thiết bị tiện nghi bàn ghế, khánh tiết của phòng họp.

- Phòng hiệu trưởng: Diện tích 31 m² có đủ trang thiết bị phương tiện làm việc và tiếp khách.

- Phòng phó hiệu trưởng: 2 phòng diện tích 21m² có đủ trang thiết bị phương tiện làm việc và tiếp khách.

- Phòng âm nhạc: Diện tích 80 m² có máy vi tính và phương tiện để phục vụ cho hoạt động.

- Phòng hành chính quản trị: 21m.²

- Phòng y tế: Diện tích 21 m² có tủ thuốc, cân đo sức khỏe, biểu đồ tăng trưởng... có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ.

- Phòng bảo vệ: Diện tích 12m² có bàn ghế, đồng hồ, sổ theo dõi khách.

- Khu để xe: Diện tích 75 m² có mái che.

5. Sân vườn

- Sân chơi: Diện tích sân chơi là 3,500 m², khu vực trẻ chơi được lát gạch, có bồn hoa, cây xanh bóng mát, có đồ chơi ngoài trời, các đồ chơi có hình dáng, màu sắc đẹp, kích cỡ phù hợp với trẻ. Sân trường thường xuyên sạch sẽ.

V. TIÊU CHUẨN 5: THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

1. Công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non

Nhà trường giữ vai trò nòng cốt trong việc tham mưu với Đảng ủy – HĐND- UBND xã Hương Lạc, Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Lạng Giang, các cấp, các ngành về chủ trương xây dựng trường và đề ra các giải pháp vận động các tổ chức quần chúng nhân dân, các tổ chức xã hội, cá nhân quan tâm hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà trường.

*** Tổng kinh phí xây dựng, sửa chữa, mua sắm: 5.616.900đ**

Trong đó: Kinh phí xây dựng là : 5.306.000.000đ

- Ngân sách của huyện : 2.519.000.000đ

- Ngân sách TW : 1.500.000.000đ

- Ngân sách xã : 1.287.000.000đ

*** Kinh phí mua sắm là: 310.900.000đ**

- Ngân sách của huyện, tỉnh mua sắm trang

thiết bị đồ dùng : 215.740.000đ

- Ngân sách xã : 0 đ

- XHHGD là: 95.160.000đ

Trong đó:

+ Kinh phí ngày công lao động (20c) : 30.000.000 đ

+ Nhân dân, các ban ngành đoàn thể trong xã; giáo viên trong trường; Phụ huynh học sinh là : 65.160.000đ

2. Các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội lành mạnh

a) Nhà trường thường xuyên có các hoạt động tuyên truyền dưới nhiều hình thức, nhằm tăng cường sự hiểu biết trong cộng đồng và nhân dân về mục tiêu giáo dục mầm non, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia và giám sát các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường để thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục mầm non.

b) Nhà trường thường xuyên có kế hoạch phối hợp tốt gia đình, bậc phụ huynh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho con em nhân dân học tập tốt, đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường, giáo viên và các bậc cha mẹ trẻ thông qua các cuộc họp phụ huynh, để trao đổi trực tiếp các vấn đề có liên quan đến việc chăm sóc giáo dục và chăm sóc nuôi dưỡng trẻ nhằm tạo điều kiện giúp trẻ phát triển tốt.

c) Nhà trường là nòng cốt trong việc chủ trì và phối hợp với các tổ chức trong cộng đồng và cha mẹ trẻ để tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ theo chương trình giáo dục mầm non phù hợp với truyền thống văn hóa của địa phương cụ thể như : Hoạt động ngày hội đến trường của bé; Tết trung thu rằm tháng tám; Hội thi tiếng hát dân ca; Ngày tết thiếu nhi 1/6...

3. Nhà trường huy động tốt sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... nhằm tăng cường cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường

- Số kinh phí huy động XHHGD được: 95.160.000 đ.

*** Trong đó:**

+ Kinh phí ngày công lao động quy ra tiền: $200 \text{ c} \times 150.000 = 30.000.000 \text{ đ.}$

+ Nhân dân, các ban ngành đoàn thể trong xã, phụ huynh học sinh, thầy cô giáo ủng hộ: 65.160.000đ.

*** Kết quả thi đua của nhà trường:**

Từ năm học 2011-2012 đến nay nhà trường liên tục đạt trường lao động tiên tiến và tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2015-2016 nhà trường được UBND tỉnh tặng bằng khen có thành tích hoàn thành xuất sắc thực hiện nhiệm vụ công tác từ năm 2014-2015 đến năm 2015-2016. Chỉ bộ đạt trong sạch vững mạnh, Công đoàn vững mạnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh xuất sắc.

Với những kết quả trên, trường mầm non Hương Lạc kính đề nghị UBND huyện Lạng Giang, phòng Giáo dục và Đào tạo Lạng Giang, UBND Tỉnh Bắc Giang, Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang kiểm tra công nhận trường Mầm non Hương Lạc đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

Nhà trường xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ HƯƠNG LẠC



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ HƯƠNG LẠC
ĐÀO TIẾN DŨNG



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Vân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 168 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 69/SGDĐT-ĐKTCQG ngày 03/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 26 trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đạt chuẩn quốc gia (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian công nhận trường đạt chuẩn quốc gia là 5 năm, kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Hiệu trưởng các trường học có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. *K*

Nơi nhận: *UB*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

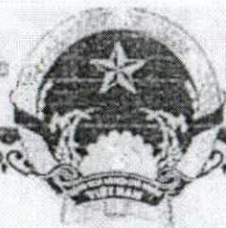


Lê Anh Dương

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
(kèm theo Quyết định số 168 /QĐ-UBND ngày 08 /02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT		Huyện/thành phố	Ghi chú
1.	MN Nghĩa Phương	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
2.	MN Hoa Sen	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
3.	MN Bắc Lũng 1	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
4.	MN Khám Lạng	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
5.	MN Bảo Đài	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
6.	MN Bình Sơn	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
7.	MN Chu Điện	Lục Nam	Đạt chuẩn mức độ 1
8.	MN Đồng Tâm	Yên Thế	Đạt chuẩn mức độ 2
9.	MN thị trấn Cầu Gồ	Yên Thế	Đạt chuẩn mức độ 1
10.	MN thị trấn Bồ Hạ	Yên Thế	Đạt chuẩn mức độ 1
11.	MN thị trấn Néo	Yên Dũng	Đạt chuẩn mức độ 2
12.	MN Đoàn Bái số 1	Hiệp Hoà	Đạt chuẩn mức độ 1
13.	MN Quang Minh	Hiệp Hoà	Đạt chuẩn mức độ 1
14.	MN Đức Thắng số 2	Hiệp Hoà	Đạt chuẩn mức độ 1
15.	MN Hoàng An	Hiệp Hòa	Đạt chuẩn mức độ 1
16.	MN Hương Lạc	Lạng Giang	Đạt chuẩn mức độ 1
17.	MN Ngô Quyền	TP. Bắc Giang	Đạt chuẩn mức độ 2
18.	MN Đa Mai	TP. Bắc Giang	Đạt chuẩn mức độ 1
19.	MN Bồng Am	Sơn Động	Đạt chuẩn mức độ 1
20.	MN Quế Sơn	Sơn Động	Đạt chuẩn mức độ 1
21.	MN Yên Định	Sơn Động	Đạt chuẩn mức độ 1
22.	MN Kim Sơn	Lục Ngạn	Đạt chuẩn mức độ 1
23.	MN Phú Nhuận	Lục Ngạn	Đạt chuẩn mức độ 1
24.	MN thị trấn Chũ	Lục Ngạn	Đạt chuẩn mức độ 1
25.	MN Trù Hựu	Lục Ngạn	Đạt chuẩn mức độ 1
26.	MN Phượng Sơn	Lục Ngạn	Đạt chuẩn mức độ 1



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG CÔNG NHẬN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

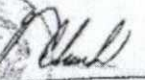
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Công nhận: TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG LẠC
HUYỆN LẠNG GIANG - TỈNH BẮC GIANG

ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ 1

QĐ số: 168/QĐ-UBND
Ngày 08 tháng 02 năm 2017

Bắc Giang, ngày 08 tháng 02 năm 2017
TM. UBND TỈNH BẮC GIANG
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Linh